

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG  
KHOA LUẬT

**ĐỀ THI, ĐÁP ÁN/RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM**  
**THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**  
**Học kỳ 2, năm học 2023-2024**

**I. Thông tin chung**

Tên học phần:	LUẬT CẠNH TRANH		
Mã học phần:	71LAWS40202	Số tín chỉ:	2
Mã nhóm lớp học phần:	232_71LAWS40202_01,02,03,04		
Hình thức thi: <b>Tự luận</b>	Thời gian làm bài:	<b>60</b>	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có <i>Chỉ sử dụng tài liệu in giấy</i>	<input type="checkbox"/> Không	

**1. Format đề thi**

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Quy ước đặt tên file đề thi:
  - + Mã học phần\_Tên học phần\_Mã nhóm học phần\_TUL\_De 1
  - + Mã học phần\_Tên học phần\_Mã nhóm học phần\_TUL\_De 1\_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

**2. Giao nhận đề thi**

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: [khaothivanlang@gmail.com](mailto:khaothivanlang@gmail.com) bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

## II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>CLO1</b>	Đề xuất những giải pháp phù hợp để giải quyết các vấn đề pháp lý, các bài tập tình huống thực tế về hành vi cạnh tranh không lành mạnh, hành vi hạn chế cạnh tranh, tập trung kinh tế, quy trình tổ tụng cạnh tranh, giải quyết tranh chấp thương mại.	Tự luận	30	1	3	PI 3.2
<b>CLO2</b>	Áp dụng kỹ năng lập luận, khả năng sáng tạo, tư duy phản biện, tư duy đa chiều để giải quyết vấn đề hiệu quả liên quan đến luật cạnh tranh và giải quyết tranh chấp.	Tự luận	20	2	2	PI 5.2
<b>CLO3</b>	Lựa chọn đúng văn bản pháp luật và quy phạm pháp luật để áp dụng trong các tình huống pháp luật về cạnh tranh	Tự luận	50	3	5	PI 6.2

### Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) *Nêu nội dung của CLO tương ứng.*

(3) *Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.*

(4) *Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).*

(5) *Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.*

(6) *Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.*

(7) *Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.*

### III. Nội dung câu hỏi thi

#### **Câu hỏi 1: (3 điểm)**

Anh chị hãy đề xuất hướng giải quyết đối với tình huống sau đây, giải thích, nêu cơ sở pháp lý:

Công ty TNHH M độc quyền trong lĩnh vực kinh doanh tra nạp xăng dầu cho các hãng hàng không tại Việt Nam. Công ty M muốn tăng giá tra nạp nhiên liệu nhưng hãng hàng không P không đồng ý với lý do việc áp đặt giá là không hợp lý. Tháng 5/2019, công ty M đã ngừng cung cấp nhiên liệu cho hãng hàng không P trong các ngày từ 01/5/2019 đến 03/5/2019 mà không thông báo lý do. Ngày 04/5/2019, công ty M đã nối lại việc nạp nhiên liệu cho hãng hàng không P.

#### **Câu hỏi 2: Các nhận định sau đây đúng hay sai? Giải thích. Nêu cơ sở pháp lý (2 điểm)**

1. Phán quyết trọng tài chỉ bị hủy trong trường hợp phán quyết đó trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

2. Thỏa thuận trọng tài không chỉ rõ hình thức trọng tài, tổ chức trọng tài được xem là thỏa thuận trọng tài vô hiệu.

#### **Câu hỏi 3: (5 điểm)**

Anh/chị hãy xác định các hành vi sau đây là dạng vi phạm nào trong Luật Cạnh tranh và cơ chế kiểm soát của Luật Cạnh tranh đối với hành vi đó? Giải thích, nêu cơ sở pháp lý.

X và Y là hai doanh nghiệp kinh doanh thiết bị gia dụng nhập khẩu tại Việt Nam. X và Y đã ký thỏa thuận hợp tác với nhau, trong đó có điều khoản:

1. “Thông nhất X chỉ nhập khẩu hàng từ các quốc gia Đức và Pháp, Y sẽ nhập hàng từ các quốc gia Ý và Đan Mạch”. (2.5 điểm)
2. “Thông nhất yêu cầu các đại lý của mình không được phân phối các thiết bị gia dụng nhập khẩu từ thị trường Trung Quốc”. (2.5 điểm)

## ĐÁP ÁP VÀ THANG ĐIỂM

Phân câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
<b>I. Tự luận</b>			
<b>Câu 1</b>		<b>3.0</b>	
Nội dung a	Xác định hành vi vi phạm thứ nhất Áp đặt giá bán bất hợp lý theo điểm a khoản 2 Điều 27 LCT 2018 (dẫn chiếu đến điểm b khoản 1 Điều 27 LCT 2018) và Khoản 2 Điều 27 NB 116/2005. Giải thích.	1.0	
Nội dung b	Xác định hành vi vi phạm thứ 2 Lợi dụng vị trí độc quyền để đơn phương hủy bỏ hợp đồng đã giao kết mà không có lý do chính đáng tại điểm c khoản 2 Điều 27 LCT 2018, khoản 1 Điều 33 NB 116/2005. Giải thích.	1.0	
Nội dung c	Nêu mức xử phạt tối đa 10% tổng doanh thu của năm liền trước năm thực hiện hành vi vi phạm theo khoản 1 Điều 9 và biện pháp xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả tại khoản 2,3 Điều 9 NB 75/2019.	1.0	
<b>Câu 2</b>		<b>2.0</b>	
Nội dung a.	Nhận định sai Giải thích: Không chỉ trường hợp đó, phán quyết trọng tài còn bị hủy khi rơi vào 01 trong các căn cứ tại khoản 2 Điều 68 Luật TTTM 2010 và có yêu cầu của 01 bên. CSPL: khoản 1, 2 Điều 68 Luật TTTM 2010.	1.0	
Nội dung b.	Nhận định sai. Giải thích: Đó không phải là TTTT vô hiệu mà là TTTT không thể thực hiện được. CSPL: khoản 5 Điều 43 Luật TTTM 2010.	1.0	
<b>Câu 3</b>		<b>5.0</b>	
Nội dung a	Xác định đây là thỏa thuận phân chia nguồn cung cấp hàng hóa tại khoản 2 Điều 11 LCT 2018. Giải thích dựa vào dấu hiệu tại khoản 2 Điều 15 NB 116/2005.	1.5	

	Cơ chế kiểm soát: cấm khi cùng thị trường liên quan (cấm có chọc lọc) CSPL: khoản 1 Điều 12 LCT 2018.	1.0	
Nội dung b	Xác định đây là thỏa thuận áp đặt điều kiện ký kết hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ cho doanh nghiệp khác tại khoản 8 Điều 11 LCT 2018. Giải thích dựa vào dấu hiệu tại khoản 1 Điều 18 NB 116/2005.	1.5	
	Cơ chế kiểm soát: cấm khi <b>cùng thị trường liên quan</b> và khi thỏa thuận đó gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể trên thị trường. CSPL: khoản 3 Điều 12 LCT 2018.	1.0	
	<b>Điểm tổng</b>	<b>10.0</b>	

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2024*

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề

**Trần Minh Toàn ( phó Trưởng BM đã duyệt)**

**Nguyễn Ngọc Biện Thùy Hương**